TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 29 - 9 - 2017
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Hoàng Viết Toàn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1975; cư trú tại thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên toà (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1975; cư trú tại thôn K1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt tại phiên toà (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại các bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn N chung sống với nhau do tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 1995. Đến năm 2004 chị và anh N mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống tại gia đình bố, mẹ đẻ anh N ở thôn K1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do anh N thường đánh đập, chửi bới vợ con dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình, chính quyền địa phương khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả mà trái lại ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2005, chị Trần Thị N đã bỏ về thôn K, xã H, sống ly thân với anh Phạm Văn N. Từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Trần Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Văn C – sinh năm 1996 và Phạm Thị Bích P – sinh năm 1998; Các con chung hiện đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Ly hôn, vợ chồng tự phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn N: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn N đã được Toà án nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh N đến Toà án giải quyết việc chị Trần Thị N xin ly hôn nhưng anh Phạm Văn N đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn N; Về con chung: Các con chung Phạm Văn C – sinh năm 1996 và Phạm Thị Bích P – sinh năm 1998 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống; Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn N đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Phạm Văn N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị N và bị đơn anh Phạm Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã

xác định chị Trần Thị N và anh Phạm Văn N chung sống với nhau do tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống từ năm 1995 nhưng đến năm 2004, vợ chồng mới làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2005, hiện tại không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Phạm Văn N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N, xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn N.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phạm Văn N có các con chung Phạm Văn C – sinh năm 1996 và Phạm Thị Bích P – sinh năm 1998; các con chung đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản: Ly hôn chị Trần Thị N có quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản mà để chị và anh Phạm Văn N tự phân chia; anh Phạm Văn N không có quan điểm về tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản. Khi các đương sự có yêu cầu, Toà án sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí:* Chị Trần Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Chị Ngân đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004166 ngày 21 tháng 6 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch